

Số: 1642/2023/CBTT-TVSI

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2023

V/v: Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã
soát xét**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SGDCK VIỆT NAM****Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước****- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

- **Tên công ty chứng khoán:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
- **Mã chứng khoán (nếu có):** (Không)
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại:** 024 3728 0921 **Fax:** 024 3728 0920 **Email:** contact@tvs.com.vn
- **Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Việt Cường
- **Địa chỉ:** Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):** 024 3728 0921 **Fax:** 024 3728 0920
- **Loại thông tin công bố:** ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 đã soát xét, Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 đã soát xét.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 đã soát xét, Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 và văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 đã soát xét đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/09/2023 tại đường dẫn: <https://www.tvs.com.vn/financial-report.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã soát xét
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
- Văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023

Nơi nhận:

- Nt;
- Lưu VT

Người đại diện theo pháp luật**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2023

Hà Nội, tháng 8 năm 2023

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	16 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/06/2023
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Trần Việt Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Thành viên	
Bà Tạ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Cường	Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Minh Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/06/2023
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Nguyễn Thị Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Đỗ Hoàng Yến	Thành viên	
Ông Trần Duy Hưng	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Phí Thị Bích Ngọc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Lê Thanh Tùng	Bổ nhiệm ngày 01/02/2023
	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Miễn nhiệm ngày 01/02/2023

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài thông tin đã nêu tại Thuyết minh số 48 Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2023 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 896/2023/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28/08/2023, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện được ở mức 50% tương đương khoảng 592,9 tỷ đồng (số đã trích lập tại 01/01/2023 khoảng 195 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm theo tổng giá trị các hợp đồng mua lại là hơn 14.822 tỷ đồng vì cho rằng: Việc vi phạm của Công ty là do bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp Công ty có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và Công ty chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chúng tôi không đánh giá được mức phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại tiềm tàng thực tế (nếu có) của Công ty cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

Cuối năm 2022, Công ty đã trích dự phòng tiền lương phải trả theo quy định của thuế là 34.126.068.524 đồng, số tiền này đã được chi trả hết trong 06 tháng đầu năm 2023 làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty tăng thêm với giá trị tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tại Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 45 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại nhiều lần với các nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 30/06/2023 là trên 18.000 tỷ đồng (tại 01/01/2023 là khoảng trên 20.700 tỷ đồng) (trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 30/06/2023 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 14.800 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2023 là 4.870 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 17.408 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 15.580 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các nhà đầu tư là sẽ không thực hiện giao dịch này, đồng thời đang thực hiện đàm phán lại với các nhà đầu tư về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành nhưng việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này, do đó các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 05 và 48 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Từ ngày 02/11/2022 số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) là khoảng 1.609 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 879 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 730 tỷ đồng không giao dịch được. Công ty đã gửi các Công văn số 1258/2022/CV-TVSI ngày 27/10/2022; Công văn số 1259/2022/CV-TVSI ngày 27/10/2022; Công văn số 1316/2022/CV-TVSI ngày 02/11/2022 gửi các Cơ quan chức năng liên quan phê duyệt các lệnh chuyển tiền từ các tài khoản của Công ty mở tại SCB sang các tài khoản khác để giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía các cơ quan chức năng.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Theo Quyết định số 353/QĐ-UBCK ngày 18/05/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt Công ty vào tình trạng kiểm soát đặc biệt (thời hạn kiểm soát đặc biệt từ ngày 18/05/2023 đến ngày 17/09/2023).

Theo Quyết định số 44/QĐ-SGDVN ngày 23/06/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt bị đình chỉ hoạt động mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27/06/2023 cho đến khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định đưa ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt.



Nguyễn Minh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0294-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.976.551.151.631	4.216.383.942.878
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		3.968.595.822.561	4.208.477.762.530
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.851.118.973.695	1.967.307.298.084
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>1.851.118.973.695</i>	<i>1.967.307.298.084</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	1.905.509.456.753	1.895.250.786.423
Các khoản cho vay	114	8	228.708.738.645	362.667.411.124
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(20.427.466.345)	(20.427.466.345)
Các khoản phải thu	117	9	200.011.000	271.585.800
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>200.011.000</i>	<i>271.585.800</i>
Trả trước cho người bán	118	9	2.930.378.830	2.041.134.830
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	3.719.269.616	3.818.274.192
Các khoản phải thu khác	122	9	31.341.837.637	31.434.115.692
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(34.505.377.270)	(33.885.377.270)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		7.955.329.070	7.906.180.348
Tạm ứng	131		281.162.714	327.904.159
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		1.036.248.770	1.066.746.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	6.637.917.586	6.511.529.719
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.923.567.830	71.718.623.224
Tài sản cố định	220		28.963.368.677	37.519.645.061
Tài sản cố định hữu hình	221	14	21.806.855.452	28.384.935.466
- Nguyên giá	222		62.285.470.259	64.361.661.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(40.478.614.807)	(35.976.726.493)
Tài sản cố định vô hình	227	12	7.156.513.225	9.134.709.595
- Nguyên giá	228		27.998.146.912	27.998.146.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(20.841.633.687)	(18.863.437.317)
Tài sản dài hạn khác	250		37.960.199.153	34.198.978.163
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.614.452.535	3.136.726.735
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	112.689.125	127.763.601
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	25	5.288.532.442	-
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	13	20.868.051.367	20.868.051.367
Tài sản dài hạn khác	255	15	10.076.473.684	10.066.436.460
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.043.474.719.461	4.288.102.566.102

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		696.709.037.054	605.091.487.326
Nợ phải trả ngắn hạn	310		696.709.037.054	564.237.120.590
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	16	-	493.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	34.049.885.277	34.295.939.192
Phải trả người bán ngắn hạn	320	18	101.661.525	2.052.619.372
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.788.200.000	2.411.450.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	15.841.699.212	110.649.593.205
Phải trả người lao động	323		9.016.317.778	20.827.849.836
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		675.758.817	1.073.509.467
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	20	14.757.272.376	18.002.668.142
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	21	946.849.316	24.080.821.920
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	22	5.000.000	39.872.549.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	23	599.629.394.134	256.454.053.313
Dự phòng phải trả ngắn hạn	330	24	-	34.126.068.524
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		19.896.998.619	19.896.998.619
Nợ phải trả dài hạn	340		-	40.854.366.736
Trái phiếu phát hành dài hạn	346	16	-	40.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	25	-	854.366.736
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.346.765.682.407	3.683.011.078.776
Vốn chủ sở hữu	410	26	3.346.765.682.407	3.683.011.078.776
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	417		647.611.915.493	983.857.311.862
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		666.003.047.695	1.017.116.581.485
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(18.391.132.202)	(33.259.269.623)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		4.043.474.719.461	4.288.102.566.102

Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
Ngoại tệ các loại	005		167,17	173,77
Cổ phiếu đang lưu hành	006		263.900.000	263.900.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	27	18.861.120.000	22.223.730.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		2.580.000	2.580.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	28	1.703.310.200.000	1.671.323.900.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		25.240.000	-
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	29	7.922.057.090.000	10.103.050.060.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		6.098.590.600.000	6.654.852.070.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		62.806.440.000	66.112.680.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.684.482.610.000	3.317.375.580.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		21.187.330.000	21.187.330.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		54.990.110.000	43.522.400.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	30	28.532.710.000	34.536.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		28.517.710.000	34.521.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		15.000.000	15.000.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	31	-	36.726.750.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	32	15.000.810.000	17.122.180.000
Tiền gửi của khách hàng	026	33	283.019.218.059	458.200.918.730
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		282.779.490.736	458.071.694.871
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		239.727.323	129.223.859
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		54.143.596	85.407.259
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		185.583.727	43.816.600
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	34	283.019.218.059	458.200.918.730

Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu

Phạm Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		55.165.634.355	812.690.947.220
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>35</i>	<i>798.549.578</i>	<i>369.004.822.673</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>	<i>36</i>	<i>4.026.506.222</i>	<i>(39.713.333.131)</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>37</i>	<i>50.340.578.555</i>	<i>483.399.457.678</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	37	-	4.508.281.318
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	37	21.802.724.925	289.600.997.280
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	37	-	16.438.356
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		27.629.862.139	278.666.716.336
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	12.297.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		27.486.633.842	311.732.658.771
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		2.048.863.630	1.386.227.273
Thu nhập hoạt động khác	11		175.832.800	454.764.602
Cộng doanh thu hoạt động	20		134.309.551.691	1.711.354.031.156
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		1.683.373.954	468.775.520.654
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>	<i>35</i>	<i>6.382.105.975</i>	<i>428.016.329.824</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>	<i>36</i>	<i>(4.698.732.021)</i>	<i>40.707.993.031</i>
<i>Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.3</i>		<i>-</i>	<i>51.197.799</i>
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		2.352.565.762	205.646.797.329
Chi phí hoạt động tự doanh	26		272.687.673	177.924.217.920
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	38	68.132.157.808	266.949.920.629
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	38	1.720.120.924	2.546.713.276
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	38	2.296.664.767	4.552.765.354
Chi phí các dịch vụ khác	32	38	-	919.224.330
Cộng chi phí hoạt động	40		76.457.570.888	1.127.315.159.492
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	39	6.507.865.940	2.177.102.677
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	41	6.507.865.940	2.177.102.677
Chi phí bán hàng	61	40	24.727.238.269	215.929.069.635
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	41	376.939.065.016	27.095.398.727
Kết quả hoạt động	70		(337.306.456.542)	343.191.505.979

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
			VND	VND
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		653.856.195	1.246.688
Chi phí khác	72		1.241.990.103	13.186
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(588.133.908)	1.233.502
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(337.894.590.450)	343.192.739.481
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(346.619.828.693)	423.614.065.643
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		8.725.238.243	(80.421.326.162)
Chi phí thuế TNDN	100		(1.649.194.081)	68.041.536.800
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	42	4.493.705.097	75.984.203.426
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	43	(6.142.899.178)	(7.942.666.626)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(336.245.396.369)	275.151.202.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	44	(1.274)	1.043
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(1.274)	1.043



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(337.894.590.450)	343.192.739.481
Điều chỉnh cho các khoản:	02		(24.903.812.140)	6.837.103.518
- Khấu hao TSCĐ	03		8.602.256.384	4.823.941.178
- Các khoản dự phòng	04		(33.506.068.524)	2.013.162.340
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(4.698.732.021)	40.707.993.031
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(4.698.732.021)	40.707.993.031
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(4.026.506.222)	39.713.333.131
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(4.026.506.222)	39.713.333.131
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		295.237.932.808	2.096.964.508.164
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1.533.432.087)	(1.307.842.613.509)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		-	(143.184.455.512)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		133.958.672.479	1.476.829.732.609
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	(738.630.000)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		71.574.800	(5.640.424.785)
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		99.004.576	(2.154.080.353)
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		92.278.055	(78.977.446.954)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(1.458.405.715)	(4.786.020.578)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(3.245.395.766)	42.553.728.645
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(111.313.391)	7.075.310.523
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(86.018.003.438)	(59.699.160.286)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(2.197.011.762)	(8.084.803.863)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(397.750.650)	(104.505.791)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(13.283.595.652)	(32.098.993.376)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(11.811.532.058)	(15.283.769.723)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		319.418.118.217	(11.091.152.354)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		1.529.274.200	27.913.841.267.881
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(39.874.549.000)	(25.673.649.474.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(76.285.708.025)	2.527.415.677.325

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(45.980.000)	(13.519.843.550)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		636.363.636	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		590.383.636	(13.519.843.550)
Tiền vay gốc	73		-	200.000.000.000
Tiền vay khác	73.2		-	200.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(40.493.000.000)	(110.000.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(40.493.000.000)	(110.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(40.493.000.000)	90.000.000.000
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(116.188.324.389)	2.603.895.833.775
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		1.967.307.298.084	349.001.187.461
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	1.851.118.973.695	2.952.897.021.236

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		6.737.405.091.520	63.613.499.330.620
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(5.641.640.453.190)	(61.072.995.747.820)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		8.816.913.047.152	206.554.885.560.255
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(10.085.908.332.265)	(209.566.586.470.233)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.951.053.888)	(2.515.890.967)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		2.222.245.801.686	5.392.880.385.380
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(2.222.245.801.686)	(5.392.880.385.380)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(175.181.700.671)	(473.713.218.145)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		458.200.918.730	1.712.585.130.553
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		458.200.918.730	1.712.585.130.553
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		458.071.694.871	1.576.334.424.703
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		129.223.859	136.250.705.850
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		283.019.218.059	1.238.871.912.408
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41			
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42		282.779.490.736	1.046.554.703.347
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		239.727.323	192.317.209.061

Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2022	Tại 01/01/2023	Kỳ trước		Kỳ này		Tại 30/06/2022	Tại 30/06/2023
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25.576.883.457	25.576.883.457	-	-	-	-	25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	34.576.883.457	34.576.883.457	-	-	-	-	34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	835.427.659.148	983.857.311.862	347.629.862.216	72.478.659.536	14.868.137.421	351.113.533.790	1.110.578.861.828	647.611.915.493
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	777.030.294.080	1.017.116.581.485	347.629.862.216	-	-	351.113.533.790	1.124.660.156.296	666.003.047.695
- Lợi nhuận chưa thực hiện	58.397.365.068	(33.259.269.623)	-	72.478.659.536	14.868.137.421	-	(14.081.294.468)	(18.391.132.202)
Cộng	3.534.581.426.062	3.683.011.078.776	347.629.862.216	72.478.659.536	14.868.137.421	351.113.533.790	3.809.732.628.742	3.346.765.682.407

Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102117529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 07/12/2022. Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.639.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 305 người (tại ngày 01/01/2023 là 471 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các Chi nhánh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Ngọc Khánh	Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 1 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Đà Nẵng	115 Lê Lợi, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 147 Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3-4-5, 66 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**Hoạt động chính**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 47/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty đã rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh. Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 9073/UBCK - QLKD chấp thuận phương án rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh; UBCKNN đề nghị Công ty thực hiện phương án đã đề xuất và báo cáo UBCKNN để hoàn tất thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP)**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 cùng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai, chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai, chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu

Trong quá trình kinh doanh trái phiếu, nếu xảy ra sự kiện vi phạm cam kết của Công ty đối với khách hàng, Công ty sẽ căn cứ vào cam kết tại các hợp đồng liên quan và tình hình thực tế trong quá khứ giải quyết các tranh chấp để tính toán giá trị rủi ro cần lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang bị phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng dẫn đến việc không thực hiện được các Hợp đồng mua trái phiếu đến hạn, cũng như bị gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty cho rằng đây là một trong những sự kiện bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng mua bán Trái phiếu. Đồng thời để giải quyết các tranh chấp (nếu có) đối với các nhà đầu tư có thể sẽ kéo dài Công ty chỉ trích lập dự phòng ở mức độ 50% giá trị tối đa mức phạt vi phạm hợp đồng đã ký kết. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bởi các cơ quan có thẩm quyền, Công ty sẽ ghi nhận tổn thất theo giá trị thực tế phát sinh.

Thực tế, trong thời gian qua Công ty đã thực hiện đàm phán và xử lý với các nhà đầu tư về xử lý các tranh chấp tương tự với tổng mệnh giá các trái phiếu khoảng 12.000 tỷ đồng mà không phát sinh chi phí phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường. Do đó, Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng nêu trên đã xem xét đến tính thận trọng trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được quy định tại Thông tư số 58/2021/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ Tài chính ban hành, theo đó:

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Trung tâm Lưu ký chứng khoán sau khi được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trước khi phát sinh.

Doanh thu

- ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

- ***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- ***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

- ***Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

- ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:***

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

- **Thu nhập hoạt động khác:**

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh; Doanh thu đầu tư khác.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.674.998.895.398	1.390.822.995.820
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	176.120.078.297	576.484.302.264
Cộng	1.851.118.973.695	1.967.307.298.084

Từ ngày 02/11/2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) là khoảng 1.609 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 879 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 730 tỷ đồng không giao dịch được. Công ty đã gửi các Công văn số 1258/2022/CV-TVSI ngày 27/10/2022; Công văn số 1259/2022/CV-TVSI ngày 27/10/2022; Công văn số 1316/2022/CV-TVSI ngày 02/11/2022 gửi các Cơ quan chức năng liên quan phê duyệt các lệnh chuyển tiền từ các tài khoản của Công ty mở tại SCB sang các tài khoản khác để giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía các cơ quan chức năng liên quan đến nội dung này.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	6.606.610	430.537.288.022
- Cổ phiếu	2.814.025	43.460.953.674
- Trái phiếu	3.792.585	387.076.334.348
Của nhà đầu tư	994.065.982	15.026.958.149.568
- Cổ phiếu	990.448.225	14.654.962.715.220
- Trái phiếu	3.617.757	371.995.434.348
Cộng	1.000.672.592	15.457.495.437.590

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆTTầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	1.243.217.530	125.166.980.688.031
- Cổ phiếu	4.607.596	110.012.454.716
- Trái phiếu	1.238.609.934	125.056.968.233.315
Của nhà đầu tư	5.482.882.619	249.734.950.940.455
- Cổ phiếu	4.264.481.704	126.733.485.392.140
- Trái phiếu	1.218.400.915	123.001.465.548.315
Cộng	6.726.100.149	374.901.931.628.487

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)**Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Chi tiêu	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL				
Cổ phiếu	172.468.098.574	166.941.033.930	181.451.702.398	167.199.399.511
+ Cổ phiếu niêm yết	62.714.314.478	76.161.171.924	69.914.516.388	77.410.537.630
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	109.753.784.096	90.779.862.006	111.537.186.010	89.788.861.881
Trái phiếu	1.725.349.236.982	1.707.196.636.982	1.691.832.201.071	1.673.679.601.071
+ Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.725.349.236.982	1.707.196.636.982	1.691.832.201.071	1.673.679.601.071
Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841
Chứng chỉ quỹ	2.000.000.000	2.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	1.929.189.121.397	1.905.509.456.753	1.927.655.689.310	1.895.250.786.423

(*) Đến thời điểm lập báo cáo này, trong số trái phiếu Công ty nắm giữ bao gồm các khoản trái phiếu quá hạn thanh toán lãi với giá trị gốc trái phiếu khoảng 850 tỷ đồng, các trái phiếu này đều có tài sản đảm bảo và Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi nên chưa trích lập dự phòng đối với các trái phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)

STT	Chỉ tiêu	Tại 30/06/2023					Tại 01/01/2023				
		Giá mua	Giá trị	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị	Giá mua	Giá trị	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị
			thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	đánh giá lại		thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	đánh giá lại
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I	Tài sản FVTPL	1.929.189.121.397	1.905.509.456.753	19.813.447.313	43.493.111.957	1.905.509.456.753	1.927.655.689.310	1.895.250.786.423	15.786.941.091	48.191.843.978	1.895.250.786.423
	+ Cổ phiếu	172.468.098.574	166.941.033.930	19.813.447.313	25.340.511.957	166.941.033.930	181.451.702.398	167.199.399.511	15.786.941.091	30.039.243.978	167.199.399.511
	+ Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841
	+ Trái phiếu chưa niêm yết	1.725.349.236.982	1.707.196.636.982	-	18.152.600.000	1.707.196.636.982	1.691.832.201.071	1.673.679.601.071	-	18.152.600.000	1.673.679.601.071
	+ Quỹ đại chúng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
II	Các khoản cho vay và phải thu	228.708.738.645	208.281.272.300	-	20.427.466.345	208.281.272.300	362.667.411.124	342.239.944.779	-	20.427.466.345	342.239.944.779
	+ Cho vay hoạt động Margin	210.440.364.593	190.012.898.248	-	20.427.466.345	190.012.898.248	315.628.494.225	295.201.027.880	-	20.427.466.345	295.201.027.880
	+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	18.268.369.935	18.268.369.935	-	-	18.268.369.935	47.038.912.782	47.038.912.782	-	-	47.038.912.782
	+ Cho vay quyền mua CK	4.117	4.117	-	-	4.117	4.117	4.117	-	-	4.117
	Cộng	2.157.897.860.042	2.113.790.729.053	19.813.447.313	63.920.578.302	2.113.790.729.053	2.290.323.100.434	2.237.490.731.202	15.786.941.091	68.619.310.323	2.237.490.731.202

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chi tiêu	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin) (i)	210.440.364.593	190.012.898.248	315.628.494.225	295.201.027.880
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư (ii)	18.268.369.935	18.268.369.935	47.038.912.782	47.038.912.782
+ Cho vay quyền mua chứng khoán	4.117	4.117	4.117	4.117
Cộng	228.708.738.645	208.281.272.300	362.667.411.124	342.239.944.779

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 30/06/2023 là 20.427.466.345 VND (tại ngày 01/01/2023 là 20.427.466.345 VND).

(i): *Hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư:*

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25/01/2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty tính làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 30/06/2023 là 977.522.410.687 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 1.302.499.972.141 đồng).

(ii): *Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán:*

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch (“ứng tiền ngày T”) và ngày T+1, hoặc theo quy định tại phụ lục hợp đồng trái phiếu. Các khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả vào ngày T+2 và thực hiện theo điều khoản của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam

Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng

kết thúc ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	200.011.000	271.585.800
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	200.011.000	271.585.800
Trả trước cho người bán	2.930.378.830	2.041.134.830
Trả trước cho người bán khác	2.930.378.830	2.041.134.830
Trong đó, phải thu khó đòi	929.620.330	929.620.330
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.719.269.616	3.818.274.192
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	172.603.633	123.098.846
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	262.262.772	334.502.772
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	184.403.211	260.672.574
Trong đó, phải thu khó đòi	3.191.262.772	3.191.262.772
Phải thu khác	31.341.837.637	31.434.115.692
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	31.311.725.445
Các khoản phải thu khác	30.112.192	122.390.247
Trong đó, nợ phải thu khó đòi	31.314.949.168	31.314.949.168

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023			
		Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.191.262.772	620.000.000	-	2.261.262.772	1.641.262.772
Công ty CP Du lịch và Đầu tư Xây dựng Châu Á	3.100.000.000	620.000.000	-	2.170.000.000	1.550.000.000
Công ty CP Khanhca Concept	55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán	929.620.330	-	-	929.620.330	929.620.330
Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	885.064.050	-	-	885.064.050	885.064.050
Công ty TNHH Quảng Cáo Đức Hùng	34.160.280	-	-	34.160.280	34.160.280
Golden Phoenix Media JSC	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Minh	5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	31.314.494.168	-	-	31.314.494.168	31.314.494.168
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	-	-	31.311.725.445	31.311.725.445
Đối tượng khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
Cộng	35.435.377.270	620.000.000	-	34.505.377.270	33.885.377.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆTTầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.637.917.586	6.511.529.719
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	326.848.356	1.280.053.271
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	2.388.338.351	719.931.274
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.922.730.879	4.511.545.174
Chi phí trả trước dài hạn	112.689.125	127.763.601
Chi phí trả trước dài hạn khác	112.689.125	127.763.601
Cộng	6.750.606.711	6.639.293.320

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2023	27.998.146.912	27.998.146.912
Tại 30/06/2023	27.998.146.912	27.998.146.912
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2023	18.863.437.317	18.863.437.317
Khấu hao trong kỳ	1.978.196.370	1.978.196.370
Tại 30/06/2023	20.841.633.687	20.841.633.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2023	9.134.709.595	9.134.709.595
Tại 30/06/2023	7.156.513.225	7.156.513.225

Tại ngày 30/06/2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 17.151.406.199 VND (tại ngày 01/01/2023 là 15.055.931.199 VND).

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	13.798.702.399	13.798.702.399
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.944.859.724	6.944.859.724
Cộng	20.868.051.367	20.868.051.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2023	60.101.965.378	3.937.514.100	277.504.981	44.677.500	64.361.661.959
Mua trong kỳ	45.980.000	-	-	-	45.980.000
Thanh lý, nhượng bán	-	2.122.171.700	-	-	2.122.171.700
Tại 30/06/2023	60.147.945.378	1.815.342.400	277.504.981	44.677.500	62.285.470.259
HAO MÒN LUYỄN KẾ					
Tại 01/01/2023	32.440.584.193	3.284.737.595	206.727.205	44.677.500	35.976.726.493
Khấu hao trong kỳ	6.470.863.064	138.030.282	15.166.668	-	6.624.060.014
Thanh lý, nhượng bán	-	2.122.171.700	-	-	2.122.171.700
Tại 30/06/2023	38.911.447.257	1.300.596.177	221.893.873	44.677.500	40.478.614.807
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	27.661.381.185	652.776.505	70.777.776	-	28.384.935.466
Tại 30/06/2023	21.236.498.121	514.746.223	55.611.108	-	21.806.855.452

Tại ngày 30/06/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 24.733.577.847 VND (tại ngày 01/01/2023 là 23.487.604.472 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh		
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	76.473.684	66.436.460
Cộng	10.076.473.684	10.066.436.460

16. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	493.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	40.000.000.000
Cộng	-	40.493.000.000

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	659.685.278	933.007.086
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	361.923.326	334.655.433
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	33.028.276.673	33.028.276.673
Phải trả mua các tài sản tài chính	-	-
Cộng	34.049.885.277	34.295.939.192

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆTTầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)	-	-	788.116.500	788.116.500
Các đối tượng khác	101.661.525	101.661.525	1.264.502.872	1.264.502.872
	101.661.525	101.661.525	2.052.619.372	2.052.619.372

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 01/01/2023
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	46.571.328	268.795.464	281.676.927	59.452.791
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.489.221.097	4.493.705.097	86.018.003.438	86.013.519.438
- Thuế thu nhập cá nhân	11.305.906.787	77.033.109.875	90.303.824.064	24.576.620.976
- Các loại thuế khác	-	6.333.334	6.333.334	-
Cộng	15.841.699.212	81.801.943.770	176.609.837.763	110.649.593.205

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Lãi trái phiếu	-	261.080.490
Hoa hồng hợp tác phải trả SCB	14.693.833.732	14.693.833.732
Chi phí phải trả khác	63.438.644	3.047.753.920
Cộng	14.757.272.376	18.002.668.142

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Phí đại lý lưu ký trái phiếu	946.849.316	24.080.821.920
Cộng	946.849.316	24.080.821.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Nhận đặt cọc mua trái phiếu (*)	5.000.000	39.872.549.000
Cộng	5.000.000	39.872.549.000

(*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua trái phiếu giữa Công ty và các khách hàng.

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.667.814.775	59.252.878.227
Dự phòng phải trả các hợp đồng mua lại trái phiếu	592.914.812.000	195.102.480.000
Phải trả khác	3.046.767.359	2.098.695.086
Cộng	599.629.394.134	256.454.053.313

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Quỹ dự phòng tiền lương	-	34.126.068.524
Cộng	-	34.126.068.524

25. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	854.366.736
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.288.532.442	-
Cộng	5.288.532.442	854.366.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2022	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	835.427.659.148	3.534.581.426.062
- Lãi trong năm	-	-	-	148.429.652.714	148.429.652.714
31/12/2022	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	983.857.311.862	3.683.011.078.776
01/01/2023	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	983.857.311.862	3.683.011.078.776
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(336.245.396.369)	(336.245.396.369)
30/06/2023	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	647.611.915.493	3.346.765.682.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)*Chi tiết về vốn chủ sở hữu*

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Future Horizon	252.125.000.000	252.125.000.000
Công ty CP Lumiform	251.910.000.000	251.910.000.000
Công ty CP Minerva	251.700.000.000	251.700.000.000
Công ty CP Minerva Heritage	251.100.000.000	251.100.000.000
Ông Hồ Vĩnh Ni	250.879.110.000	250.879.110.000
Bà Lâm Thị Hoà	250.750.000.000	250.750.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Hạnh	249.045.910.000	249.045.910.000
Bà Lâm Thị Thanh Tâm	245.932.390.000	245.932.390.000
Bà Phan Thị Thanh Lan	222.220.890.000	222.220.890.000
Các cổ đông khác	413.336.700.000	413.336.700.000
	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	263.900.000	263.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	18.861.120.000	22.223.730.000
Cộng	18.861.120.000	22.223.730.000

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	1.703.310.200.000	1.671.323.900.000
Cộng	1.703.310.200.000	1.671.323.900.000

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.098.590.600.000	6.654.852.070.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	62.806.440.000	66.112.680.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.684.482.610.000	3.317.375.580.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	21.187.330.000	21.187.330.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	54.990.110.000	43.522.400.000
Cộng	7.922.057.090.000	10.103.050.060.000

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	28.517.710.000	34.521.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
Cộng	28.532.710.000	34.536.210.000

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	-	36.726.750.000
Cộng	-	36.726.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	15.000.810.000	17.122.180.000
Cộng	15.000.810.000	17.122.180.000

33. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	282.779.490.736	458.071.694.871
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	239.727.323	129.223.859
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	54.143.596	85.407.259
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	185.583.727	43.816.600
Cộng	283.019.218.059	458.200.918.730

34. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	283.019.218.059	458.200.918.730
Cộng	283.019.218.059	458.200.918.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ này	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ trước
		CK	VND	VND	VND	VND
I	Lãi bán					
1	Cổ phiếu niêm yết	308.710	7.960.244.800	7.199.921.733	760.323.067	569.234.270
2	Giấy tờ có giá	-	-	-	-	8.775.402.486
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	106.090.050
4	Trái phiếu chưa niêm yết	96.337	9.702.102.400	9.663.875.889	38.226.511	359.554.095.867
	Cộng	405.047	17.662.347.200	16.863.797.622	798.549.578	369.004.822.673
II	Lỗ bán					
1	Cổ phiếu niêm yết	27.551	1.152.583.270	1.783.682.091	(631.098.821)	(250.161.369)
2	Giấy tờ có giá	2.300.000	20.904.829.500	23.000.000.000	(2.095.170.500)	(138.799.995)
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	(7.246.379.252)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	1.640.024	165.268.741.747	168.924.578.401	(3.655.836.654)	(420.380.989.208)
	Cộng	3.967.575	187.326.154.517	193.708.260.492	(6.382.105.975)	(428.016.329.824)

Lãi/Lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính FVTPL bao gồm 2 phần chính là:

Nội dung	Lợi nhuận	
	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL (bao gồm cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản tài chính này) (Chi tiết xem Thuyết minh số 35)	50.340.578.555	483.399.457.678
Lãi/lỗ thuần từ bán tài sản tài chính FVTPL	(5.583.556.397)	(59.011.507.151)
Tổng lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh TSTC FVTPL	44.757.022.158	424.387.950.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***36. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong kỳ	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong kỳ
		VND	VND	VND	VND
I	Cổ phiếu	172.468.098.574	166.941.033.930	4.026.506.222	(4.698.732.021)
1	Cổ phiếu niêm yết	62.714.314.478	76.161.171.924	4.050.606.222	(1.900.229.982)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	109.753.784.096	90.779.862.006	(24.100.000)	(2.798.502.039)
II	Trái phiếu	1.725.349.236.982	1.707.196.636.982	-	-
1	Trái phiếu chưa niêm yết	1.725.349.236.982	1.707.196.636.982	-	-
III	Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-
IV	Chứng chỉ quỹ	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
	Cộng	1.929.189.121.397	1.905.509.456.753	4.026.506.222	(4.698.732.021)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	674.991.200	3.217.360.588
Từ tài sản tài chính FVTPL (tiền lãi trái phiếu)	49.665.587.355	480.182.097.090
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	-	4.508.281.318
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	21.802.724.925	289.600.997.280
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	16.438.356
Cộng	72.143.303.480	777.525.174.632

38. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	68.132.157.808	266.949.920.629
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.720.120.924	2.546.713.276
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.296.664.767	4.552.765.354
Chi phí dịch vụ khác	-	919.224.330
Cộng	72.148.943.499	274.968.623.589

39. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	6.507.865.940	2.177.102.677
Cộng	6.507.865.940	2.177.102.677

40. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí bán hàng (*)	24.727.238.269	215.929.069.635
Cộng	24.727.238.269	215.929.069.635

(*): Là các chi phí hoa hồng môi giới và chi phí phát triển thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

41. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	8.660.040.866	20.838.872.211
Hoàn nhập dự phòng tiền lương năm 2022	(34.126.068.524)	-
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	615.505.300	681.898.140
Chi phí vật tư văn phòng	151.064.352	1.101.864.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.811.921	207.908.298
Chi phí thuế, phí và lệ phí	68.632.246	300.976.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.290.915.615	2.738.222.361
Dự phòng phải trả hợp đồng mua lại trái phiếu	397.812.332.000	-
Chi phí bằng tiền khác	380.831.240	1.225.657.132
Cộng	376.939.065.016	27.095.398.727

42. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(337.894.590.450)	343.192.739.481
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	360.363.115.934	36.728.277.648
- Các khoản điều chỉnh tăng	398.756.745.742	232.305.105
Chi phí không được trừ	398.756.745.742	232.305.105
- Các khoản điều chỉnh giảm	(38.393.629.808)	(36.495.972.543)
Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	(8.725.238.243)	(80.421.326.162)
Cổ tức nhận được	(674.991.200)	3.217.360.588
Chi phí đã chịu thuế năm trước	(34.216.567.249)	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.223.166.884	40.707.993.031
Tổng thu nhập chịu thuế	22.468.525.484	379.921.017.129
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	4.493.705.097	75.984.203.426
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.493.705.097	75.984.203.426

43. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	(6.142.899.178)	(7.942.666.626)
Cộng	(6.142.899.178)	(7.942.666.626)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***44. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(336.245.396.369)	275.151.202.681
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	263.900.000	263.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(1.274)	1.043

45. CÁC CAM KẾT, KINH DOANH TRÁI PHIẾU

Thuê hoạt động là các khoản thuê Văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ là 7.452.069.575 VND (kỳ trước là 8.094.918.148 VND).

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động thanh toán như sau:

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Trong vòng 1 năm	7.674.515.576	9.580.708.882
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.482.894.876	2.210.934.409

Hoạt động mua lại Trái phiếu: Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và bán lại cho các nhà đầu tư. Sau đó, Công ty ký hợp đồng mua lại toàn bộ số Trái phiếu đó với nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Khi bán và mua lại Trái phiếu với nhà đầu tư, Công ty đang ghi nhận như hoạt động tự doanh. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 30/06/2023 là trên 18.000 tỷ đồng (tại 01/01/2023 là khoảng trên 20.700 tỷ đồng); *(trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 30/06/2023 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 14.800 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2023 là 4.870 tỷ đồng)*. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 17.408 tỷ đồng *(trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 15.580 tỷ đồng)*. Tuy nhiên, hiện nay, Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các Bên chuyển nhượng là sẽ không thực hiện giao dịch này, đồng thời đang thực hiện đàm phán lại với các Bên chuyển nhượng về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành nhưng việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này, do đó các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

46. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được, do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

47. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	3.533.234.752	5.163.877.440
Thù lao Hội đồng Quản trị	252.000.000	300.000.000
Cộng	3.785.234.752	5.463.877.440

48. SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT TRONG KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết định số 353/QĐ-UBCK ngày 18/05/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt TVSI vào tình trạng kiểm soát đặc biệt (thời hạn kiểm soát đặc biệt từ ngày 18/05/2023 đến ngày 17/09/2023).

Ngày 23/06/2023, tại Quyết định số 44/QĐ-SGDVN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đã Quyết định: Đình chỉ hoạt động mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường đăng ký giao dịch đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Thời gian đình chỉ: Từ ngày 27/06/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định đưa ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt.

49. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.


Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu


Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023



Số: 1632/2023/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
Bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022)**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động bán niên năm 2023 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	6 tháng/2023	6 tháng/2022	Chênh lệch	Biến động (%)
Doanh Thu	141.471	1.713.532	-1.572.061	-91,74%
Chi phí hoạt động kinh doanh	479.366	1.370.340	-890.974	-65,02%
Lợi nhuận trước thuế	-337.895	343.193	-681.087	-198,46%
Thuế TNDN	-1.649	68.042	-69.691	-102,42
Lợi nhuận sau thuế	-336.245	275.151	-611.397	-222,2%

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bán niên năm 2023 giảm 222,2% (-611 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân là do tác động tiêu cực của thị trường tài chính từ cuối năm 2022 đến nay, cụ thể như sau: chi phí 6 tháng đầu năm 2023 giảm 65,02% (-891 tỷ đồng) so với cùng kỳ, tổng doanh thu và thu nhập khác giảm 91,74% (-1.572 tỷ đồng):

- Trong tổng chi phí có mức biến động giảm chủ yếu là do: Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) giảm 99,64% (-467 tỷ đồng), chi phí hoạt động tự doanh giảm 99,85% (-178 tỷ đồng), chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 74,48% (-199 tỷ đồng), chi phí bán hàng giảm 88,55% (-191 tỷ đồng), chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.291% (350 tỷ đồng).

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác biến động tương ứng như sau: lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) giảm 93,21% (-758 tỷ đồng), doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 90% (-251 tỷ đồng), doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán giảm 100% (-12,6 tỷ đồng), doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán giảm 91,18% (-284 tỷ đồng), doanh thu lãi từ các khoản cho vay và phải thu giảm 92,47% (-268 tỷ đồng).

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**



CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
Trụ sở chính: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, HN
ĐT: 024-3728.0921 - Fax: 024-3728.0920
Website: www.tvsi.com.vn

Số: 1641/2023/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2023

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ
bán niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Tuân thủ khoản 1 điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI) xin giải trình nguyên nhân đưa ra ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY. Cụ thể:

Tại ngày 30/06/2023, TVSI đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện được ở mức 50% (tương đương khoảng 397 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm theo tổng giá trị các hợp đồng mua lại là hơn 14.822 tỷ đồng vì cho rằng: việc vi phạm của TVSI là do bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp TVSI có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và sẽ chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, TVSI chưa phải chi trả chi phí nào liên quan đến việc vi phạm các hợp đồng mua lại trái phiếu, cho thấy việc trích lập dự phòng nói trên là phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng của kế toán.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG